

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Thông cáo báo chí số:243/TB-TTPVHCC ngày 30 tháng 8 năm 2025
của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

Tổng số TTHC: 767

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG¹ (90 TTHC)				
1.	1.	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Thành phố
2.	2.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Thành phố
3.	3.	Cấp đổi giấy phép môi trường	Môi trường	Thành phố
4.	4.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Môi trường	Thành phố
5.	5.	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Thành phố
6.	6.	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Thành phố
7.	7.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Thành phố

¹ Căn cứ Quyết định 2128/QĐ-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
8.	8.	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Tài nguyên nước	Thành phố
9.	9.	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Thành phố
10.	10.	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất.	Tài nguyên nước	Thành phố
11.	11.	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất.	Tài nguyên nước	Thành phố
12.	12.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền.	Tài nguyên nước	Thành phố
13.	13.	Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	Tài nguyên nước	Thành phố
14.	14.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành.	Tài nguyên nước	Thành phố
15.	15.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành.	Tài nguyên nước	Thành phố
16.	16.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	Tài nguyên nước	Thành phố
17.	17.	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Tài nguyên nước	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
18.	18.	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Tài nguyên nước	Thành phố
19.	19.	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Tài nguyên nước	Thành phố
20.	20.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước	Thành phố
21.	21.	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.	Đo đạc và bản đồ	Thành phố
22.	22.	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Đất đai	Thành phố
23.	23.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	Đất đai	Thành phố
24.	24.	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	Thành phố
25.	25.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Thành phố
26.	26.	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Bảo vệ thực vật	Thành phố
27.	27.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Thành phố
28.	28.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Thành phố
29.	29.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Bảo vệ thực vật	Thành phố
30.	30.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Bảo vệ thực vật	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
31.	31.	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Trồng trọt	Thành phố
32.	32.	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Trồng trọt	Thành phố
33.	33.	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.	Trồng trọt	Thành phố
34.	34.	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.	Trồng trọt	Thành phố
35.	35.	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.	Trồng trọt	Thành phố
36.	36.	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.	Trồng trọt	Thành phố
37.	37.	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.	Trồng trọt	Thành phố
38.	38.	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Thành phố
39.	39.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.	Thú y	Thành phố
40.	40.	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.	Khoa học và Công nghệ	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
41.	41.	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	Khoa học và Công nghệ	Thành phố
42.	42.	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thành phố
43.	43.	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thành phố
44.	44.	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thành phố
45.	45.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thành phố
46.	46.	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thành phố
47.	47.	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thành phố
48.	48.	Xác nhận bảng kê lâm sản (cấp Tỉnh)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thành phố
49.	49.	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thành phố
50.	50.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương.	Nông nghiệp	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
51.	51.	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Thành phố
52.	52.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
53.	53.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
54.	54.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
55.	55.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
56.	56.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
57.	57.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới,	Thủy lợi	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
		trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		
58.	58.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp Tỉnh quản lý	Thủy lợi	Thành phố
59.	59.	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND cấp tỉnh quản lý	Thủy lợi	Thành phố
60.	60.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
61.	61.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
62.	62.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
63.	63.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
64.	64.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
65.	65.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
66.	66.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
67.	67.	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
68.	68.	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
69.	69.	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
70.	70.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi	Thành phố
71.	71.	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực.	Thủy sản	Thành phố
72.	72.	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	Thành phố
73.	73.	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Thủy sản	Thành phố
74.	74.	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản	Thành phố
75.	75.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Thủy sản	Thành phố
76.	76.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản	Thành phố
77.	77.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản	Thành phố
78.	78.	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.	Tổng hợp	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
79.	79.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp xã
80.	80.	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy vừa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.	Thủy lợi	Cấp xã
81.	81.	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
82.	82.	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
83.	83.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi	Cấp xã
84.	84.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã
85.	85.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp xã
86.	86.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường	Cấp xã
87.	87.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.	Trồng trọt	Cấp xã
88.	88.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (Cấp xã).	Nông nghiệp	Cấp xã

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
89.	89.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp xã
90.	90.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp xã
NỘI VỤ² (87 TTHC)				
91.	1.	Thủ tục giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công	Thành phố
92.	2.	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công	Thành phố
93.	3.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công	Thành phố
94.	4.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Thành phố

² Căn cứ Quyết định 672/QĐ-BNV ngày 30/6/2025 của Bộ Nội vụ Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
95.	5.	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Người có công	Thành phố
96.	6.	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	Người có công	Thành phố
97.	7.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là ngành Nội vụ) quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công	Thành phố
98.	8.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	Thành phố
99.	9.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	Thành phố
100.	10.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công	Thành phố
101.	11.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công	Thành phố
102.	12.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Người có công	Thành phố
103.	13.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	Người có công	Thành phố
104.	14.	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	Người có công	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
105.	15.	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	Người có công	Thành phố
106.	16.	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Người có công	Thành phố
107.	17.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	Thành phố
108.	18.	Công nhận ban vận động thành lập hội	Quản lý nhà nước về Hội, Quĩ	Thành phố
109.	19.	Thành lập hội	Quản lý nhà nước về Hội, Quĩ	Thành phố
110.	20.	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về Hội, Quĩ	Thành phố
111.	21.	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về Hội, Quĩ	Thành phố
112.	22.	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Quản lý nhà nước về Hội, Quĩ	Thành phố
113.	23.	Hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về Hội, Quĩ	Thành phố
114.	24.	Cho phép hội đặt văn phòng đại diện	Quản lý nhà nước về Hội, Quĩ	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
115.	25.	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Thành phố
116.	26.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ Quỹ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Thành phố
117.	27.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung hội đồng quản lý quỹ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Thành phố
118.	28.	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Thành phố
119.	29.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Thành phố
120.	30.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Thành phố
121.	31.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Thành phố
122.	32.	Quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	Thành phố
123.	33.	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Công tác Thanh niên	Thành phố
124.	34.	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Công tác Thanh niên	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
125.	35.	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Công tác Thanh niên	Thành phố
126.	36.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Lao động, Tiền lương	Thành phố
127.	37.	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động, Tiền lương	Thành phố
128.	38.	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động, Tiền lương	Thành phố
129.	39.	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động, Tiền lương	Thành phố
130.	40.	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động, Tiền lương	Thành phố
131.	41.	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	Lao động, Tiền lương	Thành phố
132.	42.	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	Lao động, Tiền lương	Thành phố
133.	43.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	An toàn, vệ sinh lao động	Thành phố
134.	44.	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng	An toàn, vệ sinh lao động	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
		B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)		
135.	45.	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	An toàn, vệ sinh lao động	Thành phố
136.	46.	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Thành phố
137.	47.	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Thành phố
138.	48.	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Thành phố
139.	49.	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Thành phố
140.	50.	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	Việc làm	Thành phố
141.	51.	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	Việc làm	Thành phố
142.	52.	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	Việc làm	Thành phố
143.	53.	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Thành phố
144.	54.	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
145.	55.	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Thành phố
146.	56.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	Việc làm	Thành phố
147.	57.	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu	Việc làm	Thành phố
148.	58.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Việc làm	Thành phố
149.	59.	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Thành phố
150.	60.	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Thành phố
151.	61.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Thành phố
152.	62.	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Thành phố
153.	63.	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Thành phố
154.	64.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
155.	65.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	Thành phố
156.	66.	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	Thành phố
157.	67.	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	Thành phố
158.	68.	Gia hạn cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	Thành phố
159.	69.	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên	Quản lý lao động ngoài nước	Thành phố
160.	70.	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước	Thành phố
161.	71.	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước	Thành phố
162.	72.	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
163.	73.	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước	Thành phố
164.	74.	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Người có công	Cấp xã
165.	75.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công	Cấp xã
166.	76.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công	Cấp xã
167.	77.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Người có công	Cấp xã
168.	78.	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công	Cấp xã
169.	79.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công	Cấp xã
170.	80.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công	Cấp xã
171.	81.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Cấp xã

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
172.	82.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Cấp xã
173.	83.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công	Cấp xã
174.	84.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công	Cấp xã
175.	85.	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động, tiền lương	Cấp xã
176.	86.	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp xã
177.	87.	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp xã
Y TẾ³ (42 TTHC)				
178.	1.	Cấp chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1,2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	Dược	Thành phố
179.	2.	Cấp chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Dược	Thành phố

³ Căn cứ Quyết định số 1505/QĐ-BYT ngày 05/5/2025 của Bộ Y tế Công bố danh mục Thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
180.	3.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Dược	Thành phố
181.	4.	Điều chỉnh nội dung chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược	Thành phố
182.	5.	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược	Thành phố
183.	6.	Chp phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Dược	Thành phố
184.	7.	Cho phép thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Dược	Thành phố
185.	8.	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Dược	Thành phố
186.	9.	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Dược	Thành phố
187.	10.	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang	Dược	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
		theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh		
188.	11.	Cung cấp thuốc phóng xạ	Dược	Thành phố
189.	12.	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	Dược	Thành phố
190.	13.	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc	Dược	Thành phố
191.	14.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Thành phố
192.	15.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Mỹ phẩm	Thành phố
193.	16.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Mỹ phẩm	Thành phố
194.	17.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Mỹ phẩm	Thành phố
195.	18.	Cấp lại GCN đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Thành phố
196.	19.	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Thành phố
197.	20.	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
198.	21.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Mỹ phẩm	Thành phố
199.	22.	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Y Dược cổ truyền	Thành phố
200.	23.	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Y Dược cổ truyền	Thành phố
201.	24.	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Y Dược cổ truyền	Thành phố
202.	25.	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm và dinh dưỡng	Thành phố
203.	26.	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm và dinh dưỡng	Thành phố
204.	27.	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm và dinh dưỡng	Thành phố
205.	28.	Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Thiết bị y tế	Thành phố
206.	29.	Công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế	Thiết bị y tế	Thành phố
207.	30.	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B	Thiết bị y tế	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
208.	31.	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng.	Khám bệnh, chữa bệnh	Thành phố
209.	32.	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng.	Khám bệnh, chữa bệnh	Thành phố
210.	33.	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng.	Khám bệnh, chữa bệnh	Thành phố
211.	34.	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng.	Khám bệnh, chữa bệnh	Thành phố
212.	35.	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế dự phòng	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
213.	36.	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Y tế dự phòng	Thành phố
214.	37.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế dự phòng	Thành phố
215.	38.	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế dự phòng	Thành phố
216.	39.	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế dự phòng	Thành phố
217.	40.	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Y tế dự phòng	Thành phố
218.	41.	Hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	Cấp xã
219.	42.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	Bảo trợ xã hội	Cấp xã
VĂN HÓA, THỂ THAO⁴ (122 TTHC)				
220.	1.	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa	Thành phố
221.	2.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa	Thành phố
222.	3.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa	Thành phố

⁴ Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-BVHTTDL ngày 12/6/2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc Ban hành Danh mục thủ tục hành chính cấp địa phương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình năm 2025.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
223.	4.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa	Thành phố
224.	5.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật	Di sản văn hóa	Thành phố
225.	6.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật	Di sản văn hóa	Thành phố
226.	7.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa	Thành phố
227.	8.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa	Thành phố
228.	9.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa	Thành phố
229.	10.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa	Thành phố
230.	11.	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Di sản văn hóa	Thành phố
231.	12.	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Di sản văn hóa	Thành phố
232.	13.	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Di sản văn hóa	Thành phố
233.	14.	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Di sản văn hóa	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
234.	15.	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	Thành phố
235.	16.	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Di sản văn hóa	Thành phố
236.	17.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Di sản văn hóa	Thành phố
237.	18.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	Thành phố
238.	19.	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Di sản văn hóa	Thành phố
239.	20.	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Di sản văn hóa	Thành phố
240.	21.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Di sản văn hóa	Thành phố
241.	22.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Di sản văn hóa	Thành phố
242.	23.	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Di sản văn hóa	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
243.	24.	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Di sản văn hóa	Thành phố
244.	25.	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Di sản văn hóa	Thành phố
245.	26.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Di sản văn hóa	Thành phố
246.	27.	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn	Thành phố
247.	28.	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn	Thành phố
248.	29.	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn	Thành phố
249.	30.	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn	Thành phố
250.	31.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Văn hóa cơ sở	Thành phố
251.	32.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Văn hóa cơ sở	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
252.	33.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Quảng cáo	Thành phố
253.	34.	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Quảng cáo	Thành phố
254.	35.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo	Thành phố
255.	36.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo	Thành phố
256.	37.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo	Thành phố
257.	38.	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Thành phố
258.	39.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Thành phố
259.	40.	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Thành phố
260.	41.	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	Thư viện	Thành phố
261.	42.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư	Thư viện	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
		viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam		
262.	43.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	Thư viện	Thành phố
263.	44.	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Điện ảnh	Thành phố
264.	45.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua – Khen thưởng	Thành phố
265.	46.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua – Khen thưởng	Thành phố
266.	47.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua – Khen thưởng	Thành phố
267.	48.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua – Khen thưởng	Thành phố
268.	49.	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	Thi đua – Khen thưởng	Thành phố
269.	50.	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	Thi đua – Khen thưởng	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
270.	51.	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	Thành phố
271.	52.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Thành phố
272.	53.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Thành phố
273.	54.	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Thành phố
274.	55.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Thể dục thể thao	Thành phố
275.	56.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Thể dục thể thao	Thành phố
276.	57.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Thể dục thể thao	Thành phố
277.	58.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Thể dục thể thao	Thành phố
278.	59.	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Thể dục thể thao	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
279.	60.	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Thể dục thể thao	Thành phố
280.	61.	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thể dục thể thao	Thành phố
281.	62.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Thể dục thể thao	Thành phố
282.	63.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Thể dục thể thao	Thành phố
283.	64.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Thể dục thể thao	Thành phố
284.	65.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Thể dục thể thao	Thành phố
285.	66.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thể dục thể thao	Thành phố
286.	67.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Thể dục thể thao	Thành phố
287.	68.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker	Thể dục thể thao	Thành phố
288.	69.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Thể dục thể thao	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
289.	70.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Thể dục thể thao	Thành phố
290.	71.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Thể dục thể thao	Thành phố
291.	72.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	Thể dục thể thao	Thành phố
292.	73.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thể dục thể thao	Thành phố
293.	74.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	Thể dục thể thao	Thành phố
294.	75.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Thể dục thể thao	Thành phố
295.	76.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	Thể dục thể thao	Thành phố
296.	77.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Thể dục thể thao	Thành phố
297.	78.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Thể dục thể thao	Thành phố
298.	79.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Thể dục thể thao	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
299.	80.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	Thể dục thể thao	Thành phố
300.	81.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Thể dục thể thao	Thành phố
301.	82.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thể dục thể thao	Thành phố
302.	83.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Thể dục thể thao	Thành phố
303.	84.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Thể dục thể thao	Thành phố
304.	85.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Thể dục thể thao	Thành phố
305.	86.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thể dục thể thao	Thành phố
306.	87.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thể dục thể thao	Thành phố
307.	88.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Thể dục thể thao	Thành phố
308.	89.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Thể dục thể thao	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
309.	90.	Thủ tục cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thành phố
310.	91.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thành phố
311.	92.	Thủ tục gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thành phố
312.	93.	Thủ tục cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thành phố
313.	94.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thành phố
314.	95.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thành phố
315.	96.	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thành phố
316.	97.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thành phố
317.	98.	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thành phố
318.	99.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
319.	100.	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thành phố
320.	101.	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí	Thành phố
321.	102.	Thủ tục văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí	Thành phố
322.	103.	Thủ tục cho phép hợp báo (trong nước)	Báo chí	Thành phố
323.	104.	Thủ tục cho phép hợp báo (nước ngoài)	Báo chí	Thành phố
324.	105.	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
325.	106.	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
326.	107.	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
327.	108.	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
328.	109.	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
329.	110.	Cấp giấy phép hoạt động in	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
330.	111.	Cấp lại giấy phép hoạt động in	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
331.	112.	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
332.	113.	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
333.	114.	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
334.	115.	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
335.	116.	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
336.	117.	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	Thành phố
337.	118.	Thủ tục chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Thông tin đối ngoại	Thành phố
338.	119.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hóa	Thành phố
339.	120.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội Cấp xã	Văn hóa cơ sở	Cấp xã

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
340.	121.	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện	Cấp xã
341.	122.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện	Cấp xã
342.	123.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	Thư viện	Cấp xã
DU LỊCH ⁵ (18 TTHC)				
343.	1.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch	Thành phố
344.	2.	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch	Thành phố
345.	3.	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch	Thành phố
346.	4.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Du lịch	Thành phố
347.	5.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	Du lịch	Thành phố
348.	6.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Du lịch	Thành phố
349.	7.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Thành phố

⁵ Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-BVHTTDL ngày 12/6/2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc Ban hành Danh mục thủ tục hành chính cấp địa phương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình năm 2025.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
350.	8.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch	Thành phố
351.	9.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Thành phố
352.	10.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Du lịch	Thành phố
353.	11.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Du lịch	Thành phố
354.	12.	Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Thành phố
355.	13.	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Thành phố
356.	14.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Du lịch	Thành phố
357.	15.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch	Thành phố
358.	16.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
359.	17.	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch	Thành phố
360.	18.	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Du lịch	Thành phố
CÔNG THƯƠNG⁶ (115 TTHC)				
361.	1.	Cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Xuất nhập khẩu	Thành phố
362.	2.	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	Xuất nhập khẩu	Thành phố
363.	3.	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	Thành phố
364.	4.	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Xuất nhập khẩu	Thành phố
365.	5.	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Xuất nhập khẩu	Thành phố
366.	6.	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu	Thành phố
367.	7.	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Xuất nhập khẩu	Thành phố
368.	8.	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	Xuất nhập khẩu	Thành phố

⁶ Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-BCT ngày 02/7/2025 của Bộ Công thương công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của bộ công thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
369.	9.	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Xuất nhập khẩu	Thành phố
370.	10.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	Thành phố
371.	11.	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Xuất nhập khẩu	Thành phố
372.	12.	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mặt ong tự nhiên sang Nhật Bản	Xuất nhập khẩu	Thành phố
373.	13.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Thành phố
374.	14.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Thành phố
375.	15.	Cấp Chứng thư xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Thành phố
376.	16.	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Thành phố
377.	17.	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Thành phố
378.	18.	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Thương mại điện tử	Thành phố
379.	19.	Thông báo ứng dụng Thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
380.	20.	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng bán hàng	Thương mại điện tử	Thành phố
381.	21.	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Thành phố
382.	22.	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Thành phố
383.	23.	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Thương mại điện tử	Thành phố
384.	24.	Thông báo ứng dụng Thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Thành phố
385.	25.	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng bán hàng	Thương mại điện tử	Thành phố
386.	26.	Cấp chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương	An toàn vệ sinh lao động	Thành phố
387.	27.	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương	An toàn vệ sinh lao động	Thành phố
388.	28.	Cấp lại Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Điện lực	Thành phố
389.	29.	Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương	Điện lực	Thành phố
390.	30.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương;	Điện lực	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
391.	31.	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Điện lực	Thành phố
392.	32.	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Điện lực	Thành phố
393.	33.	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	Điện lực	Thành phố
394.	34.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	Điện lực	Thành phố
395.	35.	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Điện lực	Thành phố
396.	36.	Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Thành phố
397.	37.	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Thành phố
398.	38.	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Công nghiệp tiêu dùng	Thành phố
399.	39.	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
400.	40.	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Thành phố
401.	41.	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	Công nghiệp tiêu dùng	Thành phố
402.	42.	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Thành phố
403.	43.	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Thành phố
404.	44.	Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Thành phố
405.	45.	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất	Thành phố
406.	46.	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Thành phố
407.	47.	Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Thành phố
408.	48.	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Thành phố
409.	49.	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Thành phố
410.	50.	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Thành phố
411.	51.	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại ở nước ngoài	Xúc tiến thương mại	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
412.	52.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	Xúc tiến thương mại	Thành phố
413.	53.	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	Thành phố
414.	54.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	Thành phố
415.	55.	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Thành phố
416.	56.	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Thành phố
417.	57.	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Thành phố
418.	58.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Thành phố
419.	59.	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Thành phố
420.	60.	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Thành phố
421.	61.	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Thành phố
422.	62.	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
			hàng đa cấp	
423.	63.	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Thành phố
424.	64.	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Thành phố
425.	65.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	An toàn thực phẩm	Thành phố
426.	66.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	An toàn thực phẩm	Thành phố
427.	67.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm	Thành phố
428.	68.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm	Thành phố
429.	69.	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
430.	70.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
431.	71.	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
432.	72.	Cấp Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
433.	73.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
434.	74.	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
435.	75.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
436.	76.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
437.	77.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
438.	78.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
439.	79.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
440.	80.	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
441.	81.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
442.	82.	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
443.	83.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
444.	84.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
445.	85.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
446.	86.	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
447.	87.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố
448.	88.	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
449.	89.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
450.	90.	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
451.	91.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
452.	92.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
453.	93.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
454.	94.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
455.	95.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
456.	96.	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
457.	97.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
458.	98.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
459.	99.	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
460.	100.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
461.	101.	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
462.	102.	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
463.	103.	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
464.	104.	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thành phố
465.	105.	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Thành phố
466.	106.	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp xã
467.	107.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã
468.	108.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
469.	109.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã
470.	110.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã
471.	111.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã
472.	112.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã
473.	113.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã
474.	114.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã
475.	115.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã
XÂY DỰNG⁷ (08 TTHC)				
476.	1.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	Thành phố
477.	2.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	Thành phố

⁷ Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-BXD về Danh mục TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
478.	3.	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Đường bộ	Thành phố
479.	4.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	Đường bộ	Thành phố
480.	5.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Thành phố
481.	6.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Cấp xã
482.	7.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Đường thủy nội địa	Cấp xã
483.	8.	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Đường thủy nội địa	Cấp xã
QUY HOẠCH VÀ KIẾN TRÚC ⁸(08 TTHC)				
484.	1.	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Kiến trúc	Thành phố
485.	2.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).	Kiến trúc	Thành phố
486.	3.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp.	Kiến trúc	Thành phố
487.	4.	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	Kiến trúc	Thành phố

⁸ Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-BXD về Danh mục TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
488.	5.	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam.	Kiến trúc	Thành phố
489.	6.	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam.	Kiến trúc	Thành phố
490.	7.	Cung cấp thông tin về hồ sơ cấm mốc theo quy hoạch, thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Thành phố
491.	8.	Cung cấp thông tin về hồ sơ cấm mốc theo quy hoạch, thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Cấp xã
LĨNH VỰC TƯ PHÁP⁹ (147 TTHC)				
492.	1.	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Nuôi con nuôi	Thành phố
493.	2.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi	Thành phố
494.	3.	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Thành phố
495.	4.	Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Thành phố
496.	5.	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thành phố

⁹ Quyết định 1877/QĐ-BTP năm 2025 ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
497.	6.	Thủ tục cấp lại thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thành phố
498.	7.	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thành phố
499.	8.	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thành phố
500.	9.	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thành phố
501.	10.	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thành phố
502.	11.	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thành phố
503.	12.	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thành phố
504.	13.	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thành phố
505.	14.	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	Trợ giúp pháp lý	Thành phố
506.	15.	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý	Thành phố
507.	16.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thành phố
508.	17.	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
509.	18.	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Thành phố
510.	19.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Thành phố
511.	20.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Thành phố
512.	21.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Thành phố
513.	22.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Thành phố
514.	23.	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại	Thành phố
515.	24.	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	Trọng tài thương mại	Thành phố
516.	25.	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
517.	26.	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Thành phố
518.	27.	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Thành phố
519.	28.	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	Thành phố
520.	29.	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	Thành phố
521.	30.	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Trọng tài thương mại	Thành phố
522.	31.	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
523.	32.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Thành phố
524.	33.	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Hòa giải thương mại	Thành phố
525.	34.	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Thành phố
526.	35.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Hòa giải thương mại	Thành phố
527.	36.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	Thành phố
528.	37.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ	Hòa giải thương mại	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
		trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác		
529.	38.	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	Thừa phát lại	Thành phố
530.	39.	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
531.	40.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
532.	41.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
533.	42.	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
534.	43.	Bổ nhiệm Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
535.	44.	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	Thừa phát lại	Thành phố
536.	45.	Bỏ nhiệm lại Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
537.	46.	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
538.	47.	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
539.	48.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
540.	49.	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
541.	50.	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
542.	51.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
543.	52.	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
544.	53.	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
545.	54.	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Thành phố
546.	55.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Thành phố
547.	56.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư	Thành phố
548.	57.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư	Thành phố
549.	58.	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư	Thành phố
550.	59.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Luật sư	Thành phố
551.	60.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Luật sư	Thành phố
552.	61.	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	Luật sư	Thành phố
553.	62.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
554.	63.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư	Thành phố
555.	64.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Thành phố
556.	65.	Sáp nhập công ty luật	Luật sư	Thành phố
557.	66.	Hợp nhất công ty luật	Luật sư	Thành phố
558.	67.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Thành phố
559.	68.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Thành phố
560.	69.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Thành phố
561.	70.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư	Thành phố
562.	71.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Thành phố
563.	72.	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Luật sư	Thành phố
564.	73.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	Thành phố
565.	74.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	Thành phố
566.	75.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
567.	76.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	Thành phố
568.	77.	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	Thành phố
569.	78.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật	Thành phố
570.	79.	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Thành phố
571.	80.	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Thành phố
572.	81.	Cấp thẻ công chứng viên	Công chứng	Thành phố
573.	82.	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	Công chứng	Thành phố
574.	83.	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Thành phố
575.	84.	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	Công chứng	Thành phố
576.	85.	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	Công chứng	Thành phố
577.	86.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng	Thành phố
578.	87.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	Công chứng	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
579.	88.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng	Thành phố
580.	89.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Công chứng	Thành phố
581.	90.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng	Thành phố
582.	91.	Thu hồi Thẻ công chứng viên	Công chứng	Thành phố
583.	92.	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Thành phố
584.	93.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Công chứng	Thành phố
585.	94.	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	Thành phố
586.	95.	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Thành phố
587.	96.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	Thành phố
588.	97.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Thành phố
589.	98.	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Công chứng	Thành phố
590.	99.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
591.	100.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng	Thành phố
592.	101.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Thành phố
593.	102.	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Công chứng	Thành phố
594.	103.	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Công chứng	Thành phố
595.	104.	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Thành phố
596.	105.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Thành phố
597.	106.	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng	Thành phố
598.	107.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	Thành phố
599.	108.	Bổ nhiệm công chứng viên	Công chứng	Thành phố
600.	109.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp	Thành phố
601.	110.	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
602.	111.	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	Thành phố
603.	112.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	Thành phố
604.	113.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	Thành phố
605.	114.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	Thành phố
606.	115.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp	Đấu giá tài sản	Thành phố
607.	116.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	Thành phố, cấp xã
608.	117.	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Thành phố, cấp xã
609.	118.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở	Cấp xã
610.	119.	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở	Cấp xã
611.	120.	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Hòa giải ở cơ sở	Cấp xã
612.	121.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở	Cấp xã
613.	122.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	Hòa giải ở cơ sở	Cấp xã
614.	123.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	Cấp xã

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
615.	124.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch	Cấp xã
616.	125.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
617.	126.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
618.	127.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
619.	128.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	Cấp xã
620.	129.	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	Cấp xã
621.	130.	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	Cấp xã
622.	131.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
623.	132.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	Cấp xã
624.	133.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
625.	134.	Đăng ký giám hộ	Hộ tịch	Cấp xã
626.	135.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
627.	136.	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	Cấp xã
628.	137.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
629.	138.	Đăng ký khai tử	Hộ tịch	Cấp xã
630.	139.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	Cấp xã
631.	140.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	Cấp xã
632.	141.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
633.	142.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	Cấp xã
634.	143.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
635.	144.	Đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	Cấp xã
636.	145.	Đăng ký khai sinh	Hộ tịch	Cấp xã
637.	146.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp xã
638.	147.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	Cấp xã
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ¹⁰ (37 TTHC)				
639.	1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố

¹⁰ Căn cứ Quyết định 997/QĐ-BKHCN ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Danh mục Thủ tục hành chính đủ điều kiện để thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
640.	2.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
641.	3.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
642.	4.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
643.	5.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
644.	6.	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
645.	7.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
646.	8.	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
647.	9.	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
648.	10.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
		và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
649.	11.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
650.	12.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
651.	13.	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
652.	14.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
653.	15.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
654.	16.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
655.	17.	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố
656.	18.	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
657.	19.	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Thành phố
658.	20.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thành phố
659.	21.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thành phố
660.	22.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thành phố
661.	23.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thành phố
662.	24.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thành phố
663.	25.	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thành phố
664.	26.	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thành phố
665.	27.	Thủ tục Công bố đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
666.	28.	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thành phố
667.	29.	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân	Thành phố
668.	30.	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	An toàn bức xạ và hạt nhân	Thành phố
669.	31.	Cấp giấy phép buru chính	Buru chính	Thành phố
670.	32.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép buru chính	Buru chính	Thành phố
671.	33.	Cấp lại giấy phép buru chính khi hết hạn	Buru chính	Thành phố
672.	34.	Cấp lại giấy phép buru chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Buru chính	Thành phố
673.	35.	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động buru chính	Buru chính	Thành phố
674.	36.	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động buru chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Buru chính	Thành phố
675.	37.	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động buru chính	Buru chính	Thành phố
TÀI CHÍNH ¹¹(59 TTHC)				
676.	1.	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Tin học thống kê	Thành phố

¹¹ Căn cứ Quyết định số 2026/QĐ-BTC ngày 12/6/2025 của Bộ Tài chính phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần của Bộ Tài chính.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
677.	2.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
678.	3.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
679.	4.	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
680.	5.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
681.	6.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
682.	7.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
683.	8.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
684.	9.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
685.	10.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
686.	11.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
687.	12.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
688.	13.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
689.	14.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
690.	15.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
691.	16.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
692.	17.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
693.	18.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
694.	19.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
695.	20.	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
696.	21.	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
697.	22.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
698.	23.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
699.	24.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
700.	25.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
701.	26.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
702.	27.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
703.	28.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
704.	29.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
705.	30.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
706.	31.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
		do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		
707.	32.	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
708.	33.	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
709.	34.	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
710.	35.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
711.	36.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
712.	37.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
713.	38.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
714.	39.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
715.	40.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
716.	41.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
717.	42.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
718.	43.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
719.	44.	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
720.	45.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
721.	46.	Giải thể doanh nghiệp	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
722.	47.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
723.	48.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
724.	49.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
725.	50.	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
726.	51.	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
727.	52.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
728.	53.	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
729.	54.	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
730.	55.	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
731.	56.	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Thành phố
732.	57.	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
733.	58.	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Thành phố
734.	59.	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cấp xã
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (03 TTHC)				
735.	1.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	văn bằng, chứng chỉ	Thành phố
736.	2.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	văn bằng, chứng chỉ	Thành phố
737.	3.	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	văn bằng, chứng chỉ	Thành phố
DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO¹² (21 TTHC)				
738.	1.	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam	Tôn giáo	Thành phố

¹² Căn cứ Quyết định 392/QĐ-BD TTG năm 2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
739.	2.	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo	Thành phố
740.	3.	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Tôn giáo	Thành phố
741.	4.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác	Tôn giáo	Thành phố
742.	5.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	Tôn giáo	Thành phố
743.	6.	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo	Thành phố
744.	7.	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo	Thành phố
745.	8.	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tôn giáo	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
746.	9.	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo	Thành phố
747.	10.	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	Tôn giáo	Thành phố
748.	11.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh	Tôn giáo	Thành phố
749.	12.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Tôn giáo	Thành phố
750.	13.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Tôn giáo	Thành phố
751.	14.	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo	Thành phố
752.	15.	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	Tôn giáo	Thành phố
753.	16.	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tôn giáo	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
754.	17.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Tôn giáo	Cấp xã
755.	18.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tôn giáo	Cấp xã
756.	19.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tôn giáo	Cấp xã
757.	20.	Thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn hoạt động tại một xã.	Tôn giáo	Cấp xã
758.	21.	Thay đổi người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn tại một xã.	Tôn giáo	Cấp xã
VĂN PHÒNG UBND (02 TTHC)				
759.	1.	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế	Thành phố
760.	2.	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế	Thành phố
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI (05 TTHC)				
761.	1.	Cấp đổi giấy phép môi trường	Tài nguyên và Môi trường	Thành phố

Số TT		Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
762.	2.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Tài nguyên và Môi trường	Thành phố
763.	3.	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư	Thành phố
764.	4.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư	Thành phố
765.	5.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Đầu tư	Thành phố
LIÊN THÔNG¹³ (02 TTHC)				
766.	1.	DVC liên thông: Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi trên Cổng dịch vụ công quốc gia		
767.	2.	Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí trên Cổng dịch vụ công quốc gia		

¹³ Căn cứ Quyết định số 2026/QĐ-BTC ngày 12/6/2025 của Bộ Tài chính phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần của Bộ Tài chính.